TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2017
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Vũ Thị Phương Hạnh**
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Thị Hồng Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** **Ông Nguyễn Văn Sanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 321/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, phân chia quyền nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXX-ST ngày 13/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Tạm trú: 46 Trần Quang Diệu, tổ 9, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H – sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Tạm trú: 46 Trần Quang Diệu, tổ 9, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Trú tại: Chung cư nhà ở xã hội Chí Linh A, 217 Nguyễn Hữu Cảnh, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 2004 ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị H tự nguyện chung sống và đến ngày 19/8/2005 mới đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Bình Châu,

huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng thời gian cách đây khoảng 5 năm thì giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H đam mê cờ bạc, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm nhiều ngày, không quan tâm chăm lo cho gia đình, chồng con. Bản thân ông và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, bà H cũng đã nhiều lần hứa hẹn, cam kết sửa đổi nhưng thực tế bà H không thay đổi mà vẫn tiếp tục cờ bạc, bỏ nhà đi. Vì thương con không muốn gia đình đổ vỡ ông đã rất nhiều lần tha thứ nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày căng thẳng, gay gắt hơn. Tình trạng này kéo dài đã nhiều năm làm cho cuộc sống gia đình khó khăn, ảnh hưởng đến công tác, sinh hoạt và học tập của ông và các con. Mặt khác, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông không thể tiếp tục chung sống với bà H nữa. Vì vậy, ông M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông M và bà H có sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 07/12/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/02/2007, hiện các cháu đang sống với ông M. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành vì cả hai con đều có nguyện vọng được sống chung với ông. Ông M tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con vì từ trước đến giờ bà H không có việc làm ổn định, ông là người nuôi dưỡng các cháu từ nhỏ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với bà H và được quyền nuôi dưỡng 02 con chung.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2017 và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập bà H đến Toà làm việc nhưng bà H không đến mà chỉ gửi bản tự khai rồi sau đó có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bà H trình bày: Bà H xác nhận về thời gian kết hôn, con chung giống như ông M đã trình bày ở trên, bà H cũng xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bà thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày, đam mê cờ bạc. Ông M đã cho bà nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng thực tế bà không giữ được lời hứa mà vẫn tái phạm. Bà nhận thấy bản thân chưa làm tròn bổn phận nuôi dạy con cái và bổn phận làm vợ với chồng. Mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nên bà H cũng đồng ý ly hôn với ông M nhưng vì lý do thường xuyên vắng nhà nên xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Về con chung là cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 07/12/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/02/2007, bà H đồng ý giao cả hai con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con vì không có nghề nghiệp ổn định. Về tài sản chung, nợ chung bà H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Thị N:

Bà N là mẹ ruột của bà Bùi Thị H nên bà biết rõ về mối quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà H. Bà Nụ cho biết: Ông M và bà H kết hôn với nhau năm 2005, sau khi kết hôn hai người sống riêng tại thành phố Vũng Tàu, vợ chồng thuê nhà và bà H mở cửa hàng buôn bán tạp hóa, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm do buôn bán thua lỗ nên trả nhà và về thành phố Bà Rịa xây nhà sinh sống. Thời điểm này bà H học lái xe và làm nghề lái taxi, sau đó một thời gian thì bà H bắt đầu chơi bời cờ bạc, thỉnh thoảng bỏ đi qua đêm vài ngày, gia đình không ai liên lạc được. Tình trạng này xảy ra đã từ lâu, bà đã rất nhiều lần khuyên bảo, ông M cũng đã rất nhiều lần tha thứ nhưng bà H không thay đổi mà vẫn thường xuyên bỏ nhà đi. Theo bà N thì mâu thuẫn giữa ông M và bà H khó có thể hàn gắn được vì mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của bà H không chăm lo cho gia đình con cái, thường xuyên bỏ đi cờ bạc là không thể chấp nhận được. Tuy nhiên việc ly hôn hay không là do ông M và bà H quyết định bà không có ý kiến gì.

Quá trình chung sống ông M và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 2005 và Nguyễn Thành L, sinh năm 2007. Hiện các cháu đang sống chung với ông M. Theo bà N thì việc ông M trực tiếp nuôi cả hai cháu là hợp lý hơn và các cháu sẽ được ăn học đàng hoàng. Do bà H không có nghề nghiệp ổn định và cũng không quan tâm chăm sóc con.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện Toà án đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điêu 203 BLTTDS.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ, tại đơn xin vắng mặt ông M vẫn có nguyện vọng ly hôn với bà H, mâu thuẫn vợ chồng của ông M và bà H là có thật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M về việc ly hôn và phân chia quyền nuôi con với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M có đơn xin ly hôn phân chia quyền nuôi con, cả hai đương sự cùng cư trú tại: 46 Trần Quang Diệu, tổ 9, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M, bà H theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn M là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bà H thường xuyên cờ bạc, bỏ nhà đi nhiều ngày nên vợ chồng liên tục cãi vã lẫn nhau. Ông M và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ nhưng bà H vẫn không sửa đổi bản thân, không chăm lo cho cuộc sống gia đình làm cho mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân bà H dù không đến Tòa nhưng tại bản tự khai đã trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân cũng như quyền nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Bà H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và nguyên nhân là do lỗi của bà, bà đã nhiều lần cam kết sửa chữa nhưng không thực hiện được nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông M. Qua thu thập lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của bà Bùi Thị H, bà N cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông M và bà H là có thật và đã xảy ra từ nhiều năm nay, nguyên nhân chính là do bà H thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, cờ bạc, không quan tâm chăm só gia đình chồng con. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông M và bà H thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông M về việc ly hôn với bà H.

[3]. Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 07/12/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/02/2007. Các cháu hiện đang sống chung với ông M. Các cháu Q, L đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông M, bà H cũng đồng ý giao cả hai con chung có ông M nuôi dưỡng. Xét thấy trong thời gian chung sống với ông M, bà H thường xuyên bỏ nhà đi, không có công việc ổn định, không quan tâm chăm sóc con, mọi sinh hoạt của các con đều do ông M lo liệu. Do vậy, căn cứ theo nguyện vọng của các cháu và để đảm bảo cho các cháu điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông M được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày

07/12/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/02/2007 đến tuổi trưởng thành. Việc ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông M phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

+ **Về hôn nhân**: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Bùi Thị H.

+ **Về con chung**: Ông Nguyễn Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 07/12/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/02/2007 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của ông M về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về án phí: Ông M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2016/0008036 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, ông M đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2017), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND TPBR
- UBND xã B, huyện X.
- Các đương sự
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Anh